

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Ông **Lê Thanh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Bích Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 621/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 655/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 07/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Quốc T1 qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 31/7/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này, vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống nên hôn nhân không hòa hợp được. Chị T và anh T1 đã có nói chuyện, tìm cách hàn gắn nhưng không được. Chị T và anh T1 đã ly thân từ đầu năm 2024 và chị T đã về nhà cha mẹ đẻ ở huyện P, thành phố Cần Thơ sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc được nên chị Nguyễn Thị Minh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06/4/2024. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06/4/2024. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- CCCD Nguyễn Thị Minh T (bản photo);
- Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc M (bản sao);
- Trích lục kết hôn (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp T, xã M, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quốc T1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Quốc T1.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Quốc T1 qua thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ vào ngày 31/7/2023 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống nên hôn nhân không hòa hợp được. Chị T và anh T1 đã có nói chuyện, tìm cách hàn gắn nhưng không được. Chị T và anh T1 đã ly thân từ đầu năm 2024 và chị T đã về nhà cha mẹ đẻ ở huyện P, thành phố Cần Thơ sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên chị Nguyễn Thị Minh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1. Về phía anh T1 là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06/4/2024. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị T.

Xét thấy, con chung đang sống với chị T phát triển và được chăm sóc tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Nguyễn Ngọc Minh N việc chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc M là phù hợp nên chấp nhận.

Anh Nguyễn Quốc T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu anh Nguyễn Quốc T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, anh Nguyễn Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Minh T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009138 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Minh T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

- Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 06/4/2024. Anh Nguyễn Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Minh T không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Quốc T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009138 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang